

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa., ngày 15 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số: Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cá mó đầu khum (*Cheilinus undulatus* Ruppell, 1835)

Mã số: NVQG-2021/ĐT.08

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình): Nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen.

- Khác (ghi cụ thể):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Mục tiêu chung:

Khai thác và phát triển được nguồn gen cá mó đầu khum *Cheilinus undulatus* góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi biển.

Mục tiêu cụ thể:

- Báo cáo bổ sung đặc điểm sinh học, sinh sản và đánh giá giá trị nguồn gen cá mó đầu khum (*Cheilinus undulatus* Ruppell, 1835).

- Quy trình công nghệ sản xuất giống cá mó đầu khum: tỷ lệ thành thực $\geq 70\%$, tỷ lệ đẻ $\geq 80\%$, tỷ lệ thụ tinh $\geq 80\%$, tỷ lệ nở $\geq 90\%$, tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương $\geq 1\%$, tỷ lệ sống từ cá hương lên cá bột $\geq 8\%$.

- Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm trong lồng bè: tỷ lệ sống $\geq 70\%$, khối lượng cá thu hoạch ≥ 2 kg/con, năng suất ≥ 10 kg/m³.

- Tiêu chuẩn đàn cá bố mẹ, cá giống, cá thương phẩm.

- 01 mô hình thử nghiệm nuôi thương phẩm: năng suất ≥ 10 kg/m³, sản lượng 800 kg.

- Cá bố mẹ: 100 con (cá cái: 7 – 18 kg/con; cá đực: 9 – 20 kg/con), tỷ lệ đực/cái = 1:3.

- Cá hậu bị: 200 con (2 – 4 kg/con).

- Cá giống: 10.000 con (5 – 7 cm/con), cá sạch bệnh.

- Cá thương phẩm: 800 kg (≥ 2 kg/con).

- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Nguyễn Thành Nhơn

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III

5. Tổng kinh phí thực hiện: 7.660 triệu đồng.
 Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 5.960 triệu đồng.
 Kinh phí từ nguồn khác: 1.700 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 3/2021

Kết thúc: 2/2025

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):
 12/2025

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	T.S Nguyễn Nguyễn Thành Nhơn	Tiến sĩ/ Nghiên cứu viên	Viện NCNTTS III
2	TS. Nguyễn Minh Châu	Tiến sĩ/ Nghiên cứu viên	Viện NCNTTS III
3	ThS. Phạm Trường Giang	Thạc sĩ/ Nghiên cứu viên	Viện NCNTTS III
4	ThS. Phan Thị Thương Huyền	Thạc sĩ/ Nghiên cứu viên	Viện NCNTTS III
5	KS. Trần Thanh Hương	Kỹ sư/ Nghiên cứu viên	Viện NCNTTS III
6	TS. Nguyễn Văn Dũng	Tiến sĩ/ Nghiên cứu viên	Viện NCNTTS III
7	KS. Dương Văn Sang	Kỹ sư/Lao động HĐ	Viện NCNTTS III

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Cá mó đầu khum bố mẹ		√			√			√	
2	Cá mó đầu khum hậu bị			√			√		√	
3	Báo cáo bổ sung đặc điểm sinh học, sinh sản và đánh giá giá trị nguồn gen cá Mỏ đầu khum		√			√			√	

4	Tiêu chuẩn cơ sở cá mó đầu khum bố mẹ, cá giống và cá thương phẩm		√			√			√	
5	02 Bài báo khoa học về cá mó đầu khum		√			√			√	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Đề tài đã bổ sung được đặc điểm sinh học sinh sản và đánh giá giá trị nguồn gen cá mó đầu khum.

- Thành công nuôi vỗ thành thực cá bố mẹ trong bể xi măng, cho đẻ và ấp nở, ương được cá đến giai đoạn 5 ngày tuổi.

Đây là cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu những đối tượng mới có sự tương đồng về đặc điểm sinh học với cá mó đầu khum trong tương lai như một số loài cá rạn san hô có giá trị kinh tế. Đồng thời cung cấp vật liệu cho các lĩnh vực khoa học công nghệ có liên quan như kỹ thuật sản xuất giống, bảo vệ nguồn lợi và nghiên cứu đa dạng sinh học.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

Cá mó đầu khum là loài quý hiếm, chưa có nghiên cứu về sản xuất giống đối tượng này ở Việt Nam. Mặc dù đề tài mới chỉ thành công nuôi vỗ thành thực cá bố mẹ trong bể xi măng, cho đẻ và ấp nở, ương được cá đến giai đoạn 5 ngày nhưng làm cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo trong việc chủ động sản xuất con giống nhân tạo, không phụ thuộc

vào khai thác tự nhiên vốn bấp bênh và tốn kém.

3.2. Hiệu quả xã hội

Kết quả đạt được của đề tài sẽ là là cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu sản xuất giống và nuôi thương cá mó đầu khum trong tương lai, góp phần đa dạng hoá đối tượng nuôi, tạo ra việc làm cho người dân.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn

☒

- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng

☐

- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

☐

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc

☐

- Đạt

☐

- Không đạt

☒

Giải thích lý do: kết quả đề tài chưa đạt do chưa sản xuất được con giống cá mó đầu khum nên các sản phẩm về con giống, cá thương phẩm, mô hình nuôi thương phẩm không đạt được theo yêu cầu.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)



TS. Nguyễn Nguyễn Thành Nhơn

THỦ TRƯỞNG

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



Võ Văn Nha